TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:1161/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 17-10-2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nhung

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1248/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Kiêm A , sinh năm 1980; (có mặt)
Địa chỉ: số 525/7/1, đường L , phường S , quận T, Thành phố H .

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn D, sinh năm 1972; (vắng mặt)
Thường trú: số 525/7/1 L , phường S , quận T, Thành phố H .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nhận ngày 06/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án,, nguyên đơn là bà Lê Kiêm A trình bày:

Bà và ông Nguyễn D sống chung từ năm 1998 do cha mẹ bà ép kết hôn chứ bà không có tình cảm trước. Hai bên có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 87/1998 ngày 21/9/1998 do UBND phường 16, quận T , Thành phố H cấp.

Sau khi kết hôn, hai bên sống tại số 29/4/10, đường Đ , phường S , quận T, Thành phố H .

Thời gian 18 năm chung sống ông D sau khi đi nhậu say về là kiếm chuyện đánh đập vợ con, chửi mẹ, chửi chị bà khi mẹ bà và chị bà qua can ngăn. Bà đã chịu đựng quá nhiều mong có ngày ông D thay đổi tính tình nhưng ông D vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết nên chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Thời gian ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D .

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Duy D, sinh ngày 18/9/1999 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/11/2006. Tôi sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không cần ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 18/6/2018 ông Nguyễn D khai : Ông và bà Lê Kiêm A tự nguyện sống chung từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87/1998 ngày 21/9/1998 do UBND phường 16, quận T , Thành phố H cấp. Sau khi kết hôn, hai bên sống tại số 29/4/10, đường Đ , phường S , quận T, Thành phố H .

Quá trình sống chung, cách đây 02 năm ông có đánh bà Lê Kiêm A là do lúc đó ông đi uống rượu say về bà A kiếm chuyện gây gỗ nên ông có đánh bà A , sau đó vợ chồng giận nhau, ông bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, hàng ngày ông vẫn đi về thăm con và vợ, nhưng ông thấy ngại nên ông không về nhà sống chung mà sống riêng luôn cho đến nay. Về lý do ông hay đánh bà A là do bà A đưa trai về nhà ngủ khi ông không có ở nhà, lại ham mê bài bạc, ông nói không được nên mới đánh bà A . Hiện chúng ông chưa muốn ly hôn, do đó ông cho rằng ông hoàn toàn có quyền đánh vợ ông, nếu vợ ông ngoại tình. Tình cảm vợ chồng hiện không còn. Trong 17 năm chung sống, tiền vàng ông đem về bà A sử dụng vào mục đích gì ông không rõ, sau khi làm rõ hết về tài sản ông mới xem xét có ly hôn hay không. Việc ly hôn ông phải về bàn bạc lại với gia đình 02 bên rồi mới quyết định có ly hôn hay không.

Về con chung: Ông và bà A có 02 con chung là Nguyễn Duy D , sinh ngày 18/9/1999 và Nguyễn Anh T , sinh ngày 20/11/2006. Ông theo ý kiến các con.

Về tài sản chung: Ông bà chung sống 17 năm, tài sản chung là hơn 12 cây vàng mà ông đi làm mang về, nay bà A nói không còn gì là ông không đồng ý. Tuy nhiên ông chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: không có nợ chung.

Tòa án nhân dân quận T đã tiến hành hòa giải lần 1 ngày 18/6/2018 Ông D có mặt tuy nhiên hòa giải lần 2 và tiến hành xét xử lần 1 nhưng ông Nguyễn D vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu trên.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do

Đại diện VKSND quận T tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện VKS nhân dân quận T nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà A , về quan hệ hôn nhân bà A ly hôn ông D . Giao 02 con chung là Nguyễn Duy D , sinh ngày 18/9/1999 và Nguyễn Anh T , sinh ngày 20/11/2006 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 87/1998 ngày 21/9/1998 do UBND phường 16, quận T , Thành phố H cấp thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Kiêm A và ông Nguyễn D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà A yêu cầu ly hôn, ông D hiện đang cư ngụ tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận T theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Xét việc bà Lê Kiêm A yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn D:

Căn cứ lời khai của bà A xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Kiêm A và ông Nguyễn D là có thật. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, không có sự tôn trọng lẫn nhau và thường

xuyên xảy ra cãi vã, ông Nguyễn D đi nhậu về thường có hành vi bạo lực gia đình đánh vợ dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tòa án nhân dân quận T đã tiến hành xác minh tại địa phương và tại buổi hòa giải được biết mâu thuẫn vợ chồng bà A ông D đã lâu, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tuy nhiên địa phương không nắm rõ.

Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và cho ông D và bà A có người làm chứng là ông Nguyễn Văn Mai sinh năm 1992 tham gia chứng kiến nhưng ông bà vẫn không đoàn tụ vì tình cảm cả hai đã không còn, tòa cho hơn 09 tháng để hàn gắn tình cảm, đến ngày hòa giải lần thứ 2 nhưng ông D vắng mặt thể hiện ông D không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, bà A cho rằng hiện nay không còn tình cảm với ông D , không muốn tiếp tục chung sống với ông D nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà A và ông D đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Bà A yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A .

Về con chung:

Bà A yêu cầu được nuôi 02 con chung là Nguyễn Duy D , sinh ngày 18/9/1999 và Nguyễn Anh T , sinh ngày 20/11/2006 và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là phải dựa vào quyền lợi của trẻ. Trẻ Nguyễn Duy D , sinh ngày 18/9/1999 đã lớn trên 18 tuổi phát triển bình thường nên không xem xét thêm. Căn cứ bản tự khai ngày 18/6/2018 của cháu Nguyễn Anh T , hơn nữa cháu luôn quấn quýt bên bà A , các cháu phát triển bình thường, đang sống với bà A , Hội đồng xét xử xét thấy các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Đồng thời, từ trước đến nay các cháu chủ yếu do bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, xét thấy việc bà A yêu cầu được nuôi con là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của cháu và phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà A .

Về cấp dưỡng nuôi con:

- Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông D .

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Bà A và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà A và ông D khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Về án phí:

Bà Lê Kiêm A chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** <u>Căn cứ vào</u>:**

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

*** <u>Tuyên xử</u>:**

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Kiêm A :

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Kiêm A được ly hôn với ông Nguyễn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 87/1998 ngày 21/9/1998 do UBND phường 16, quận T , Thành phố H cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Anh T , sinh ngày 20/11/2006 cho bà Lê Kiêm A trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn D do bà A không yêu cầu. Riêng Con chung là Nguyễn Duy D , sinh ngày 18/9/1999 đã lớn trên 18 tuổi và phát triển bình thường.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Bà A và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà A và ông D khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

2/ Về án phí:

Bà Lê Kiêm A chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010328 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà A đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. H ;
- VKSND quận T;
- Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đ;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Ngọc Mỹ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Mỹ